

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2017/KDTM-ST
Ngày 28 tháng 9 năm 2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tú;
2. Bà Nguyễn Thị Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2017/TLST- KDTM ngày 08 tháng 12 năm 2014 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2017/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2017/QĐST-KDTM ngày 22/9/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần T; địa chỉ: đường Tr, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng thương mại cổ phần T: Ông Phạm Huy Th – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần T: Ông Lê Văn S – chức vụ: Giám đốc của Ngân hàng thương mại cổ phần T - Chi nhánh N;

Người đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng thương mại cổ phần T: Ông Nguyễn Thành L – chức vụ: Trưởng phòng, Phòng giao dịch Y, Ngân hàng thương mại cổ phần T - Chi nhánh N. (Văn bản ủy quyền ngày 28/4/2017).

Địa chỉ của Ngân hàng thương mại cổ phần T - Chi nhánh N: đường V, phố 2, phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh Th – Chủ Doanh nghiệp tư nhân H; Địa chỉ: đường L, phố B, phường G, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Đoàn Hồng H, sinh năm 1972.

3.2. Bà Lê Thị Th, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: đường Ph, phố Qu, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

3.3. Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1975.

3.4. Bà Vũ Thị D, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: đường Tr, phố Ph 1, phường Th, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

3.5. Chị Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1992.

3.6. Anh Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: đường Ph, phố Qu, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: ông Nguyễn Thành L có mặt. Bà Nguyễn Thị Thanh Th, ông Đoàn Hồng H, bà Lê Thị Th, ông Nguyễn Văn Ch, bà Vũ Thị D, anh Nguyễn Ngọc Th, chị Đỗ Thị Thu H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 11 năm 2014 của nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/7/2012, Ngân hàng thương mại cổ phần T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 7976/2012 và khế ước nhận nợ đối với bà Nguyễn Thị Thanh Th - Chủ doanh nghiệp tư nhân H (bị đơn), nội dung chính như sau: Ngân hàng cho bị đơn vay số tiền 700.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh. Thời hạn vay 4 tháng, kể từ ngày 23/7/2012 đến ngày 23/11/2012. Lãi suất kỳ đầu tiên là 13%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 1 lần/tháng, được xác định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Ngày 23/7/2012 bị đơn đã ký khế ước nhận nợ 700.000.000 đồng.

Tài sản thế chấp cho Hợp đồng tín dụng nêu trên là:

+ Nhà và quyền sử dụng 76,9 m² đất, tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất: đường Ph, phố Qu, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình theo Hợp đồng thế chấp số 8510/2012/HĐBL ngày 23/7/2012 giữa Ngân hàng với ông Đoàn Hồng H và bà Lê Thị Th.

+ Quyền sử dụng 100 m² đất, tại thửa đất số C36, tờ bản đồ Quy hoạch; địa chỉ thửa đất: Khu dân cư phía Nam đường Vành Đai, phường Nh, thành phố N, tỉnh Ninh Bình theo Hợp đồng thế chấp số 8513/2012/HĐBL ngày 23/7/2012 giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn Ch và bà Vũ Thị D.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã đôn đốc rất nhiều lần nhưng bị đơn vẫn không trả nợ.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2014, Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình buộc bị đơn phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 03/11/2014 theo Hợp đồng tín dụng số 7976/2012 ngày 23/7/2012 và khê ước nhận nợ là 960.251.656 đồng, trong đó nợ gốc: 700.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.156.188 đồng, nợ lãi phạt quá hạn: 259.095.468 đồng. Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi khoản nợ đến ngày xét xử sơ thẩm và tiến hành xử lý tài sản đảm bảo của bên thứ ba bảo lãnh để đảm bảo cho việc thi hành án. Đề nghị Tòa án hủy một phần Hợp đồng thế chấp số 8510/2012/HĐBL ngày 23/7/2012 về tài sản bảo đảm, tại Điều 1 của Hợp đồng đó là: Quyền sở hữu hợp pháp tài sản trên đất gồm: một ngôi nhà mái bằng 03 tầng khép kín được xây dựng theo kết cấu khung bê tông tường gạch bao quanh, xây dựng năm 2002.

Tại đơn đề nghị ngày 16/5/2017 Ngân hàng trình bày: Sau khi xem xét lại tài sản thế chấp Ngân hàng phát hiện thấy: tại thửa số 13, tờ bản đồ số 11, diện tích 76,9m² đất, địa chỉ thửa đất: đường Ph, phố Qu, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình không có tài sản trên đất như các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp số 8510/2012/HĐBL ngày 23/7/2012 giữa Ngân hàng với ông Đoàn Hồng H và bà Lê Thị Th (cụ thể là không có một ngôi nhà mái bằng 03 tầng khép kín được xây dựng theo kết cấu khung bê tông tường gạch bao quanh, xây dựng năm 2002). Do trên đất không có nhà nên Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản trên đất trong Hợp đồng thế chấp số 8510/2012/HĐBL ngày 23/7/2012 giữa Ngân hàng với ông Đoàn Hồng H và bà Lê Thị Th và trong Hợp đồng tín dụng số 7976/2012 ngày 23/7/2012 về tài sản thế chấp bất động sản là nhà của bên thứ ba bảo lãnh. Vì vậy, Ngân hàng xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện, cụ thể là rút một phần tài sản thế chấp của ông Đoàn Hồng H và bà Lê Thị Th thể hiện trong Hợp đồng thế chấp số 8510/2012/HĐBL ngày 23/7/2012 giữa Ngân hàng với ông Đoàn Hồng H và bà Lê Thị Th đối với phần: Một ngôi nhà mái bằng 03 tầng khép kín được xây dựng theo kết cấu khung bê tông tường gạch bao quanh, xây dựng năm 2002. Đồng thời Ngân hàng xin rút một phần trong đơn khởi kiện về việc: “Đề nghị Tòa án hủy một phần Hợp đồng thế chấp số 8510/2012/HĐBL ngày 23/7/2012 đối với tài sản bảo đảm tại Điều 1 của Hợp đồng về: Quyền sở hữu hợp pháp tài sản trên đất gồm: một ngôi nhà mái bằng 03 tầng khép kín được xây dựng theo kết cấu khung bê tông tường gạch bao quanh, xây dựng năm 2002”. Những vấn đề còn lại trong đơn khởi kiện, Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình giải quyết, gồm: Đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/5/2017 là 1.311.560.120 đồng. Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi của khoản nợ đến ngày xét xử sơ thẩm. Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay của bị đơn để thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập bị đơn đến Tòa án để lấy lời khai, đối chất, hòa giải, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án, không có quan điểm, ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản tự khai, tại biên bản lấy lời khai của đương sự, tại đơn đề nghị và tại đơn xin giải quyết vắng mặt, ông Đoàn Hồng H, bà Lê Thị Th là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông H bà Th đã ký Hợp đồng thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của bị đơn. Tài sản thế chấp thực tế chỉ có quyền sử dụng hợp pháp thửa đất 76,9m² tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất: đường Ph, phố Qu, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Hiện trạng hiện nay của tài sản thế chấp: anh Nguyễn Ngọc Th và chị Đỗ Thị Thu H đã tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất. Ông H bà Th đã thống nhất thanh toán xong phần đổ đá mặt, trát xi măng cát cho anh Th chị H, do đó tài sản đổ đá mặt, trát xi măng cát thuộc tài sản của ông H bà Th đang được thế chấp tại Ngân hàng. Quan điểm của ông H bà Th về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả nợ cho Ngân hàng.

Tại bản tự khai, tại biên bản lấy lời khai của đương sự, tại đơn đề nghị và tại đơn xin giải quyết vắng mặt, ông Nguyễn Văn Ch và bà Vũ Thị D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ngày 23/7/2012 ông Ch bà D có ký Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba với Ngân hàng để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bị đơn. Tài sản thế chấp gồm: quyền sử dụng hợp pháp thửa đất 100m² đất tại lô đất số C36, tờ bản đồ Quy hoạch, địa chỉ thửa đất: Khu dân cư phía Nam đường Vành Đai, phường Nh, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Hiện nay trên tài sản thế chấp của ông Ch bà D không có tài sản gì. Quan điểm của ông Ch bà D: đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, đơn trình bày, anh Nguyễn Ngọc Th và chị Đỗ Thị Thu H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Do anh chị không biết thửa đất số 13, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất: đường Ph, phố Qu, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình đang được Tòa án giải quyết nên anh chị đã dựng xưởng tôn. Sau khi biết sự việc, anh chị đã tháo dỡ xong toàn bộ tài sản của anh chị trên thửa đất nêu trên. Về phần anh chị đã đổ đá mặt, trát xi măng cát trên thửa đất: do tài sản có giá trị không đáng kể, anh chị đã thỏa thuận thanh toán xong với chủ sử dụng thửa đất nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết phần anh chị đã đổ đá mặt, trát xi măng cát.

*. Tại phiên tòa, người đại diện của Ngân hàng xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện về việc *đề nghị Tòa án hủy một phần Hợp đồng thế chấp số 8510/2012/HĐBL ngày 23/7/2012 về tài sản bảo đảm, tại Điều 1 của Hợp đồng đó là: Quyền sở hữu hợp pháp tài sản trên đất gồm: một ngôi nhà mái bằng 03 tầng khép kín được xây dựng theo kết cấu khung bê tông tường gạch bao quanh, xây dựng năm 2002.* Đồng thời, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 27/9/2017 là 1.362.832.166 đồng; trong đó, nợ gốc là 700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.156.188 đồng, lãi phạt quá hạn là 661.675.978 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 7976/2012 ngày 23/7/2012 và khế ước nhận nợ giữa Ngân hàng với bị đơn. Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp bảo

đảm cho khoản vay của bị đơn để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, cụ thể các tài sản sau:

+ Quyền sử dụng 76,9 m² đất, tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất: đường Ph, phố Qu, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Đất đã được UBND thành phố Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA88670 ngày 13/7/2010 mang tên ông Đoàn Hồng H và bà Lê Thị Th. (Thể hiện tại Hợp đồng thế chấp số 8510/2012/HĐBL ngày 23/7/2012 giữa Ngân hàng với ông Đoàn Hồng H và bà Lê Thị Th *đối với quyền sử dụng đất*; tại thời điểm ký Hợp đồng thế chấp, mức cho vay được tính bằng 70% giá trị quyền sử dụng đất). Tài sản gắn liền với đất là phần nền và trệt 76,9m² nền xi măng cát như các chiều của thửa đất nêu trên.

+ Quyền sử dụng 100 m² đất, tại thửa đất số C36, tờ bản đồ Quy hoạch; nay thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 34 (bản đồ địa chính phường Nh năm 2011); địa chỉ thửa đất: Khu dân cư phía Nam đường Vành Đai, phường Nh, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Đất đã được UBND thành phố Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC64451 ngày 19/11/2010 mang tên ông Nguyễn Văn Ch và bà Vũ Thị D (Thể hiện tại Hợp đồng thế chấp số 8513/2012/HĐBL ngày 23/7/2012 giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn Ch và bà Vũ Thị D, tại thời điểm ký Hợp đồng thế chấp, mức cho vay được tính bằng 70% giá trị quyền sử dụng đất).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 342, 343, 355, 361, 362, 363, 369, 471, 474, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 1 Điều 179 Luật đất đai năm 2013; Điều 91, 95 – Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 5; khoản 4 Điều 70; Khoản 2 Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 147; Khoản 1 Điều 157; Khoản 1 Điều 158; Khoản 1 Điều 161; Khoản 1 Điều 162; Điều 244; Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí. Xử: Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu của nguyên đơn trong đơn khởi kiện: “Đề nghị Tòa án hủy một phần hợp đồng thế chấp số 8510/2012 ngày 23/07/2012 đối với tài sản bảo đảm tại Điều 1 của Hợp đồng về: Quyền sở hữu hợp pháp tài sản trên đất gồm: Một ngôi nhà mái bằng 03 tầng khép kín được xây dựng theo kết cấu khung bê tông tường gạch đỏ bao quanh, xây dựng năm 2002”. Chấp nhận một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với bà Nguyễn Thị Thanh Th - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh Th - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 27/9/2017 là 1.362.832.166 đồng (Một tỷ, ba trăm sáu mươi hai triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn, một trăm sáu mươi sáu đồng); trong đó, nợ gốc là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 1.156.188 đồng (Một triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn, một trăm tám mươi tám đồng), lãi phạt quá hạn là 661.675.978 đồng (Sáu trăm sáu mươi một

triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn, chín trăm bảy mươi tám đồng). Bị đơn phải trả lãi phát sinh tiếp theo Hợp đồng tín dụng số 7976/2012 ngày 23/7/2012 và khế ước nhận nợ từ ngày 28/9/2017 cho đến khi trả hết nợ gốc cho Ngân hàng. Trường hợp bà Nguyễn Thị Thanh Th chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý đối với các tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 76,9m²; chủ sở hữu là ông Đoàn Hồng H và bà Lê Thị Th thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất: đường Ph, phố Qu, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Được UBND thành phố Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA 88670 ngày 13/07/2010. Tài sản gắn liền trên đất phát sinh từ sau thời điểm thế chấp là phần đồ nền và trật xi măng cát trên nền 76,9m² đất. Quyền sử dụng đất diện tích 100m²; chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn Ch và bà Vũ Thị D thuộc thửa đất số C36, tờ bản đồ quy hoạch Khu dân cư phía Nam đường Vành Đai, phường Nh, thành phố N, tỉnh Ninh Bình được UBND thành phố Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BC64451 ngày 19/11/2010. Về chi phí giám định: Nguyên đơn không phải chịu chi phí giám định, bà Nguyễn Thị Thanh Th phải chịu chi phí giám định là 3.770.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Thanh Th có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng chi phí giám định đã nộp. Về chi phí thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Bà Nguyễn Thị Thanh Th phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Thanh Th có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ngân hàng không phải nộp án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Nguyễn Thị Thanh Th phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 52.884.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa ngày 22/9/2017, đại diện Ngân hàng có mặt; ông Đoàn Hồng H, bà Lê Thị Th, ông Nguyễn Văn Ch, bà Vũ Thị D, anh Nguyễn Ngọc Th, chị Đỗ Thị Thu H (đều là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị Thanh Th - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H với tư cách là bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ nhất mà vắng mặt, Tòa án quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 28/9/2017, đại diện Ngân hàng có mặt; ông Đoàn Hồng H, bà Lê Thị Th, ông Nguyễn Văn Ch, bà Vũ Thị D, anh Nguyễn Ngọc Th, chị Đỗ Thị Thu H (đều là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị Thanh Th - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H với tư cách là bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, thông báo để đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi hay cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Bị đơn cũng không thể hiện ý kiến, quan điểm của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án xem xét đánh giá chứng cứ đã được đương sự cung cấp và Tòa án thu thập theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc, lãi:

Ngày 23/7/2012, Ngân hàng và bị đơn có ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 7976/2012 và khế ước nhận nợ số 7976/2012/KU với một số nội dung thỏa thuận chính là: Ngân hàng cho bị đơn vay số tiền 700.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh thực phẩm bánh kẹo, đồ uống... Thời hạn vay 4 tháng, kể từ ngày 23/7/2012 đến ngày 23/11/2012. Lãi suất kỳ đầu tiên là 13%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 1 tháng/1 lần theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Đến nay, bị đơn chưa trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Để có căn cứ giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật, Tòa án đã tiến hành thủ tục giám định chữ ký của bà Nguyễn Thị Thanh Th – Chủ Doanh nghiệp tư nhân H. Tại Kết luận giám định số 36/KLGD-PC54-TL ngày 02/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận như sau:

Chữ ký mang tên giám đốc Nguyễn Thị Thanh Th dưới mục “Đại diện bên vay” tại trang 3 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1; dưới mục “Bên vay” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký của Nguyễn Thị Thanh Th dưới mục “Đại diện bên vay vốn” tại trang 8 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2; dưới mục “Đại diện khách hàng” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M5; dưới mục “Người đề nghị” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M6; dưới mục “Người giao nộp chứng cứ” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M7 do cùng một người ký ra.

Như vậy, việc ký kết Hợp đồng tín dụng giữa các bên đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ số 7976/2012/KU và quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã nhận đủ số tiền 700.000.000 đồng. Đối với việc bị đơn vay tiền của Ngân hàng tại thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 355, Điều 361, Điều 362, Điều 363, Điều 369, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 95 Luật các tổ chức Tín dụng; Tòa án xác định bị đơn còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng.

Về lãi suất:

Tính đến ngày 27/9/2017, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bị đơn trả nợ lãi cho Ngân hàng là 662.832.166 đồng (trong đó: nợ lãi trong hạn là 1.156.188 đồng, lãi phạt quá hạn là 661.675.978 đồng).

Tòa án nhận định: Việc tính lãi trong hạn và lãi quá hạn mà Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản vay của bị đơn là đúng theo thỏa thuận của hai

bên trong Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 7976/2012, khế ước nhận nợ và theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức Tín dụng. Vì vậy, Tòa án chấp nhận tổng số tiền lãi trong hạn và tiền lãi phạt quá hạn mà Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả tính đến ngày 27/9/2017 là 662.832.166 đồng (trong đó: nợ lãi trong hạn là 1.156.188 đồng, lãi phạt quá hạn là 661.675.978 đồng) và bị đơn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Căn cứ nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với bị đơn thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán về trả tiền nợ gốc và lãi. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 27/9/2017 là 1.362.832.166 đồng; trong đó, nợ gốc là 700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.156.188 đồng, lãi quá hạn là 661.675.978 đồng.

Kể từ ngày 28/9/2017, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 7976/2012 ngày 23/7/2012, khế ước nhận nợ số 7976/2012/KU ngày 23/7/2012, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

[3] Đối với các tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho khoản vay của bị đơn.

Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án hủy một phần Hợp đồng thế chấp số 8510/2012/HĐBL ngày 23/7/2012 về tài sản bảo đảm, tại Điều 1 của Hợp đồng đó là: Quyền sở hữu hợp pháp tài sản trên đất gồm: một ngôi nhà mái bằng 03 tầng khép kín được xây dựng theo kết cấu khung bê tông tường gạch bao quanh, xây dựng năm 2002; tương ứng với nghĩa vụ tài sản được bảo đảm tại thời điểm thế chấp bị giảm số tiền là 161.490.000 đồng.

Để đảm bảo giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật, ngày 02/8/2017, ngày 07/8/2017, ngày 21/8/2017 Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp nêu trên.

Tòa án nhận định: Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 8510/2012/HĐBL ngày 23/7/2012 giữa Ngân hàng với ông Đoàn Hồng H và bà Lê Thị Th và Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 8513/2012/HĐBL ngày 23/7/2012 giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn Ch và bà Vũ Thị D đều được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo. Việc Ngân hàng xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện đối với tài sản của ông H bà Th bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của bị đơn là tự nguyện, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H bà Th. Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ án dân sự khi có đơn khởi kiện của đương sự và chỉ giải quyết

trong phạm vi đơn khởi kiện đó. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút, cụ thể: Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với yêu cầu: Đề nghị Tòa án hủy một phần Hợp đồng thế chấp số 8510/2012/HĐBL ngày 23/7/2012 về tài sản bảo đảm, tại Điều 1 của Hợp đồng đó là: Quyền sở hữu hợp pháp tài sản trên đất gồm: một ngôi nhà mái bằng 03 tầng khép kín được xây dựng theo kết cấu khung bê tông tường gạch bao quanh, xây dựng năm 2002 trên thửa đất số 13, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất: đường Ph, phố Qu, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Đất đã được UBND thành phố Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA88670 ngày 13/7/2010 mang tên ông Đoàn Hồng H và bà Lê Thị Th.

**. Về phần đồ nền và trạt 76,9m² nền xi măng cát trên thửa đất của ông Đoàn Hồng H, bà Lê Thị Th:*

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, do không biết thửa đất số 13, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất: đường Ph, phố Qu, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình đang được Tòa án giải quyết nên anh Th chị H đã dựng xường tôn trên đất. Sau khi biết sự việc, anh Th chị H đã tháo dỡ xong toàn bộ tài sản của mình trên thửa đất nêu trên. Do đã thỏa thuận thanh toán xong với chủ sử dụng đất nên anh Th chị H không đề nghị Tòa án giải quyết phần anh chị đã đổ đá mặt, trạt xi măng cát trên thửa đất nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông H bà Th đã thống nhất thanh toán xong phần chi phí đổ đá mặt, trạt xi măng cát cho anh Th chị H, do đó tài sản đổ đá mặt, trạt xi măng cát thuộc tài sản của ông H bà Th đang được thế chấp tại Ngân hàng.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thành L trình bày: Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp giữa các bên thì phần đồ nền và trạt 76,9m² nền xi măng cát trên thửa đất của ông H bà Th phát sinh sau thời điểm thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp của ông H bà Th thế chấp tại Ngân hàng.

Căn cứ tại Điều 1 Hợp đồng thế chấp số 8510/2012/HĐBL ngày 23/7/2012 quy định những tài sản gắn liền với đất phát sinh trước, trong và sau thời điểm nhận thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp, mọi diện tích, công trình xây dựng, coi nói thêm gắn liền với đất đều thuộc tài sản thế chấp; tại khoản 6 Điều 8 Hợp đồng thế chấp số 8510/2012/HĐBL ngày 23/7/2012 quy định: mọi diện tích, công trình xây dựng, coi nói thêm gắn liền với tài sản đều thuộc tài sản thế chấp nên Tòa án xác định phần *đồ nền và trạt 76,9m² nền xi măng cát trên thửa đất* của ông H bà Th thuộc tài sản của ông H bà Th thế chấp tại Ngân hàng.

Do đó, các tài sản bảo đảm do nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết đều thể hiện rõ ý chí của vợ chồng ông H, bà Th; vợ chồng ông Ch, bà D đồng ý dùng tài sản của mình để bảo lãnh, bảo đảm nghĩa vụ thanh toán của bị đơn đối với Ngân hàng. Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý toàn bộ các tài sản thế chấp theo yêu cầu của nguyên đơn đề nghị

Tòa án giải quyết bảo đảm cho khoản vay của bị đơn để thu hồi nợ, cụ thể các tài sản sau:

- Quyền sử dụng 76,9 m² đất, tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất: đường Ph, phố Qu, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Đất đã được UBND thành phố Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA88670 ngày 13/7/2010 mang tên ông Đoàn Hồng H và bà Lê Thị Th. (Thể hiện tại Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 8510/2012/HĐBL ngày 23/7/2012 giữa Ngân hàng với ông Đoàn Hồng H và bà Lê Thị Th *đối với quyền sử dụng đất*; tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp, mức cho vay được tính bằng 70% giá trị quyền sử dụng đất). Tài sản gắn liền với đất là phần đồ nền và trệt 76,9m² nền xi măng cát như các chiều của thửa đất nêu trên.

- Quyền sử dụng 100 m² đất, tại thửa đất số C36, tờ bản đồ Quy hoạch; nay thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 34 (bản đồ địa chính phường Nh năm 2011); địa chỉ thửa đất: Khu dân cư phía Nam đường Vành Đai, phường Nh, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Đất đã được UBND thành phố Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC64451 ngày 19/11/2010 mang tên ông Nguyễn Văn Ch và bà Vũ Thị D (Thể hiện tại Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 8513/2012/HĐBL ngày 23/7/2012 giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn Ch và bà Vũ Thị D, tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp, mức cho vay được tính bằng 70% giá trị quyền sử dụng đất).

[4] Về chi phí tố tụng:

Về chi phí giám định: Ngân hàng đề nghị giải quyết chi phí giám định theo pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 162 Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn phải chịu 3.770.000 đồng. Ngân hàng không phải chịu chi phí giám định. Do Ngân hàng đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định nên bị đơn phải hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 3.770.000 đồng.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng đề nghị giải quyết chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn phải chịu 2.300.000 đồng. Ngân hàng không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên bị đơn phải hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 2.300.000 đồng.

[5] Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình phát biểu, phân tích các tình tiết của vụ án và đề nghị Tòa án đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ngân hàng không phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, cụ thể:

36.000.000 đồng + 3% x 562.832.166 đồng = 52.884.964 đồng, làm tròn 52.884.000 đồng.

Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 355, Điều 361, Điều 362, Điều 363, Điều 369, Điều 471, Điều 474, Điều 715, Điều 716, Điều 717, Điều 718, Điều 719, Điều 720 và Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm g khoản 1 Điều 179 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức Tín dụng; khoản 1 Điều 5, khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, Điều 147, Điều 150, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 162, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí; Điều 26 của Luật Thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T đối với yêu cầu: Đề nghị Tòa án hủy một phần Hợp đồng thế chấp số 8510/2012/HĐBL ngày 23/7/2012 về tài sản bảo đảm, tại Điều 1 của Hợp đồng đó là: Quyền sở hữu hợp pháp tài sản trên đất gồm: một ngôi nhà mái bằng 03 tầng khép kín được xây dựng theo kết cấu khung bê tông tường gạch bao quanh, xây dựng năm 2002 trên thửa đất số 13, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất: đường Ph, phố Qu, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Đất đã được UBND thành phố Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA88670 ngày 13/7/2010 mang tên ông Đoàn Hồng H và bà Lê Thị Th.

2. Chấp nhận một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T đối với bà Nguyễn Thị Thanh Th - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh Th - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T tổng số tiền tính đến ngày 27/9/2017 là 1.362.832.166 đồng (Một tỷ, ba trăm sáu mươi hai triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn, một trăm sáu mươi sáu đồng); trong đó, nợ gốc là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 1.156.188 đồng (Một triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn, một trăm tám mươi tám đồng), lãi phạt quá hạn là 661.675.978 đồng (Sáu trăm sáu mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn, chín trăm bảy mươi tám đồng).

Kể từ ngày 28/9/2017, bà Nguyễn Thị Thanh Th - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh

toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 7976/2012 ngày 23/7/2012, khế ước nhận nợ số 7976/2012/KU ngày 23/7/2012, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần T thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Thanh Th - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần T theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần T.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Thanh Th - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần T thì Ngân hàng thương mại cổ phần T được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay của bà Nguyễn Thị Thanh Th - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, cụ thể các tài sản sau:

- Quyền sử dụng 76,9 m² đất, tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất: đường Ph, phố Qu, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Đất đã được UBND thành phố Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA88670 ngày 13/7/2010 mang tên ông Đoàn Hồng H và bà Lê Thị Th. (Thể hiện tại Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 8510/2012/HĐBL ngày 23/7/2012 giữa Ngân hàng với ông Đoàn Hồng H và bà Lê Thị Th *đối với quyền sử dụng đất*; tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp, mức cho vay được tính bằng 70% giá trị quyền sử dụng đất). Tài sản gắn liền với đất là phần đồ nền và trệt 76,9m² nền xi măng cát như các chiều của thửa đất nêu trên.

- Quyền sử dụng 100 m² đất, tại thửa đất số C36, tờ bản đồ Quy hoạch; nay thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 34 (bản đồ địa chính phường Nh năm 2011); địa chỉ thửa đất: Khu dân cư phía Nam đường Vành Đai, phường Nh, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.. Đất đã được UBND thành phố Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC64451 ngày 19/11/2010 mang tên ông Nguyễn Văn Ch và bà Vũ Thị D (Thể hiện tại Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 8513/2012/HĐBL ngày 23/7/2012 giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn Ch và bà Vũ Thị D, tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp, mức cho vay được tính bằng 70% giá trị quyền sử dụng đất).

3. Về chi phí tố tụng.

3.1. Về chi phí giám định:

Bà Nguyễn Thị Thanh Th - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H phải chịu 3.770.000 đồng (Ba triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) chi phí giám định. Do Ngân hàng thương mại cổ phần T đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định nên bà Nguyễn Thị Thanh Th- Chủ Doanh nghiệp tư nhân H phải hoàn trả lại cho Ngân

hàng thương mại cổ phần T số tiền 3.770.000 đồng (Ba triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

3.2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Bà Nguyễn Thị Thanh Th - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H phải chịu 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng thương mại cổ phần T đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên bà Nguyễn Thị Thanh Th - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H phải hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng).

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ngân hàng thương mại cổ phần T không phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần T 20.404.000 đồng (Hai mươi triệu, bốn trăm linh bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2010/05828 ngày 08/12/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

- Bà Nguyễn Thị Thanh Th - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H phải nộp 52.884.000 đồng (Năm mươi hai triệu, tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại.

Ngân hàng thương mại cổ phần T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị Thanh Th - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H, ông Đoàn Hồng H, bà Lê Thị Th, ông Nguyễn Văn Ch, bà Vũ Thị D, anh Nguyễn Ngọc Th, chị Đỗ Thị Thu H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Ninh Bình;
- Chi cục THADS TP. N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Phụng

